

ĐỀ ANH 6

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
B	B	B	C	C	B	D	A
Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
A	B	C	B	C	C	A	B
Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20	Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24
D	C	B	A	B	B	B	C
Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30	Câu 31	Câu 32
B	B	D	C	A	D	A	C
Câu 33	Câu 34	Câu 35	Câu 36	Câu 37	Câu 38	Câu 39	Câu 40
B	B	A	C	C	D	A	D

Question 1.

- A. cheer /tʃɪər/
 B. chemistry /'kɛm.ɪ.stri/ (âm “ch” = /k/)
 C. child /tʃaɪld/
 D. chair /tʃeər/
- 3 từ (A, C, D) “ch” phát âm /tʃ/, còn (B) “ch” phát âm /k/.
 - **Đáp án đúng: B. chemistry**

Question 2.

- A. stopped /stɒpt/ (đuôi /t/)
 B. opened /'ɒp.ənd/ (đuôi /d/)
 C. worked /wɜ:kɪt/ (đuôi /t/)
 D. missed /mɪst/ (đuôi /t/)
- Ba từ (A, C, D) kết thúc bằng âm /t/, còn (B) “opened” kết thúc /d/.
 - **Đáp án đúng: B. opened**

Question 3.

- A. museum /mju: 'zi:.əm/ (trọng âm âm 2)
 B. doctor /'dɒk.tər/ (âm 1)
 C. enjoy /ɪn 'dʒɔɪ/ (âm 2)
 D. around /ə 'raʊnd/ (âm 2)
- (B) “doctor” trọng âm rơi âm đầu, còn (A), (C), (D) trọng âm rơi âm 2.

- **Đáp án đúng: B. doctor**

Question 4.

A. respect /rɪ'spekt/ (âm 2)

B. collect /kə'lekt/ (âm 2)

C. travel /'træv.əl/ (âm 1)

D. repeat /rɪ'pi:t/ (âm 2)

- (A), (B), (D) trọng âm rơi âm 2, còn (C) “travel” trọng âm âm đầu.

- **Đáp án đúng: C. travel**

Question 5.

- Câu điều kiện: “if she had enough time.”

- **Đáp án đúng: C. if**

Question 6.

- Hai vế đối lập nhẹ: “although it was a bit old, they decided to stay.”

- **Đáp án đúng: B. although**

Question 7.

- “proud of”

- **Đáp án đúng: D. of**

Question 8.

- Đồng ý nhiệt tình: “Why not? That’s great” hoặc “Sounds great.” Ở đây đáp án: “Why not? That’s great.”

- **Đáp án đúng: A. Why not? That’s great**

Question 9.

- Câu điều kiện loại 2: “If I were you...”

- **Đáp án đúng: A. were**

Question 10.

- “since 2010.”

- **Đáp án đúng: B. since**

Question 11.

- Dạng used to → câu hỏi đuôi: “didn’t we?”

- **Đáp án đúng: C. didn’t we**

Question 12.

Tường thuật: “where I had gone / went?” → Ở đây, quá khứ đơn → lùi về quá khứ hoàn thành?

- Nhưng nhiều đề vẫn chấp nhận “where I went” nếu mốc thời gian rõ. Cảnh thận: Thông thường quy tắc → “where I had gone.”

- Ở 4 đáp án: A. was going, B. went, C. have gone, D. am going. Phổ biến nhất: “where I went.” (Hoặc “had gone” nếu muốn chặt chẽ, nhưng không có “had gone” trong đáp án).

Đáp án đúng: B. went (theo chuẩn trần thuật thay “did you go” → “where I went”)

Question 13.

- “(13) _____ help immediately if someone is injured.” → “Offer help immediately.”

- **Đáp án đúng: C. Offer**

Question 14.

- “(14) _____ the accident scene, but do not move the injured...” → “examine the accident scene.”
- **Đáp án đúng: C. examine**

Question 15.

- “(15) _____ for professional help to arrive.” → “wait for professional help.”
- **Đáp án đúng: A. wait**

Question 16.

- “(16) _____ possible, provide accurate details...” → “If possible.”
- **Đáp án đúng: B. If**

Question 17.

- Unfortunately, some areas had been badly polluted...
- The river cleanup project was initiated...
- They collaborated with environmental experts...

- Logic: (b) giới thiệu “the river cleanup was started,” (c) “they collaborated...,” (a) “unfortunately, some areas had been polluted.”
- Hoặc (b) → (a) → (c). Tùy văn cảnh. Thường: (b) “was initiated,” (a) “some areas had been polluted before it began,” (c) “then they collaborated.”
- **Đáp án đúng: D. b – a – c**

Question 18.

Chọn câu kết: “Over time, the river became much cleaner...” → hợp logic.

- **Đáp án đúng: C. Over time, the river became much cleaner...**

Question 19.

- “provide the nutrients (19) _____ for overall well-being” → “required.”
- **Đáp án: B. required**

Question 20.

- “jogging, cycling, or (20) attending a dance class.”
- **Đáp án: A. attending**

Question 21.

- “(21) _____ checkups are recommended” → “frequent checkups.”
- **Đáp án: B. frequent**

Question 22.

- “(22) _____ stress effectively” → “control stress.”
- **Đáp án: B. control**

Question 23.

- “these habits (23) _____ to increased energy levels...” → “lead to.”
- **Đáp án: B. lead**

Question 24.

- “definitely (24) beneficial in the long run.”
- **Đáp án: C. beneficial**

Question 25.

- Thông thường: “She has never seen such a... → it was the first time she had seen...”

- **Đáp án đúng:** B. Tom said that it was the first time she had seen such a breathtaking sunset.

Question 26.

- Chuẩn gián tiếp: “Peter told Anna (that) he would help her... the next day.”
- **Đáp án đúng:** B. Peter told Anna he would help her...

Question 27.

- Câu gián tiếp Wh-question: “She asked me where I had bought that book.”
- **Đáp án đúng:** D. She asked me where I had bought that book.

Question 28.

- Câu bị động: “...the mid-Autumn festival is celebrated every year in my hometown.” Cách viết chuẩn: “In my hometown, the mid-Autumn festival is celebrated every year.”
- **Đáp án đúng:** C. In my hometown, the mid-Autumn festival is celebrated every year.

Question 29.

- Cấu trúc chuẩn: “I have not seen him since we left school.”
- **Đáp án đúng:** A. I have not seen him since we left school.

Question 30.

- “suggest + V-ing”: “My parents suggested taking a family trip next month.”
- **Đáp án đúng:** D. My parents suggested taking a family trip next month.

Question 31. “environmentally friendly” ~ “harmless to nature.”

- **Đáp án:** A. harmless to nature

Question 32. One method NOT used: “synthetic pesticides.”

- **Đáp án:** C. synthetic pesticides

Question 33. TRUE about organic farming: “It may produce smaller yields.”

- **Đáp án:** B. It may produce smaller yields

Question 34. “nonetheless” ~ “however.”

- **Đáp án:** B. however

Question 35. “critic” trái nghĩa “supporter.”

- **Đáp án:** A. supporter

Question 36. Trend: “It continues to gain popularity as people care more about sustainability.”

- **Đáp án:** C. It continues to gain popularity...

Question 37:

- “People engage in various hobbies... (37) _____.” → “Actually, hobbies range widely depending on personal preference.”
- **Đáp án:** C. Actually, hobbies range widely depending on personal preference

Question 38.

- “Studies suggest having a pastime helps reduce stress...” → “Beyond simple enjoyment, hobbies can also be beneficial for one’s well-being.”
- **Đáp án:** D. Beyond simple enjoyment, hobbies can also be beneficial...

Question 39.

- “For instance, joining a club... introduces new friends...” → “Moreover, hobbies can serve as a social bridge.”
- **Đáp án:** A. Moreover, hobbies can serve as a social bridge.

Question 40.

- “Ultimately, the key is to find a hobby that brings enjoyment. (40) _____.” → “It doesn’t have to be complicated or expensive.”
- **Đáp án:** D. It doesn’t have to be complicated or expensive.

WEUPBOOK